

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG LŨNG LÔ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG LŨNG LÔ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108801809

3. Ngày thành lập: 28/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Yên Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
4.	Xây dựng công trình điện	4221
5.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
6.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Phá dỡ	4311
9.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung;	4329
12.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa; - Các công việc dưới bề mặt - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
16.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu, nhóm này gồm: Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; Bán buôn ô dù; Bán buôn dao, kéo; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Bán buôn bột giấy	4669

23.	Bán buôn tổng hợp	4690
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác, Nhóm này gồm: Hoạt động chuẩn bị, chế biến và phục vụ đồ ăn uống tại xe bán đồ ăn lưu động hoặc xe kéo, đẩy bán rong như: Xe thùng bán kem và xe bán hàng ăn lưu động	5610
27.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

28.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
29.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
34.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Sản xuất đường	1072
39.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
40.	In ấn	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42.	Sao chép bản ghi các loại	1820
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
44.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) - Thiết kế xây dựng công trình (Khoản 8 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) bao gồm: + Thiết kế kiến trúc công trình + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp + Thiết kế cơ – điện công trình + Thiết kế cấp- thoát nước công trình + Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát thi công xây dựng (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) - Tư vấn đấu thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư về lựa chọn nhà thầu).	7110
46.	Sản xuất sợi	1311
47.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
48.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
49.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
50.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
51.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
52.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
53.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
54.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
55.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
56.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
57.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
58.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
59.	Sản xuất giày, dép	1520
60.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
61.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

64.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
65.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
67.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
68.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
69.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
70.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
71.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
72.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
73.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
74.	Đúc sắt, thép	2431
75.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2432
76.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
77.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
78.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
79.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
80.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
81.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
82.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
83.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
84.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
85.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
86.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
87.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
88.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
89.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
90.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
91.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
92.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
93.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
94.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

95.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn rau, quả - Bán buôn thủy sản - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632
96.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
97.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mỳ, bột mỳ, ngô...	4721
98.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
100.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730

101.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
102.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 80.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ĐỨC ANH	Số 32 đường Trần Quốc Toàn, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000	800.000.000	10,000	013269583	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.000	800.000.000	10,000		

2	ĐỖ THỊ ĐỊNH	Số 3 Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000	800.000.000	10,000	0011820146 39	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.000	800.000.000	10,000		
3	NGUYỄN HỮU ĐOAN	Số 203A1 tổ 28, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	64.000	6.400.000.000	80,000	0010630012 46	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	64.000	6.400.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU ĐOÀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 29/08/1963

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001063001246

Ngày cấp: 20/06/2014

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 203A1 tổ 28, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 203A1 tổ 28, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội